

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **818** /TTr - UBND

Bỉm Sơn, ngày 16 tháng 5 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và Dự toán
Đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ -TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 08/2010/TT-BTNMT ngày 18/3/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định xây dựng báo cáo môi trường quốc gia, báo cáo tình trạng tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và báo cáo HTMT cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 21/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thị xã Bỉm Sơn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Bỉm Sơn đến năm 2030, tầm nhìn sau năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;

UBND thị xã Bỉm Sơn trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập “Đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn” với những nội dung chính sau:

I. TÊN ĐỀ ÁN: “Đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn”.

II. CƠ QUAN THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN:

1. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ quan chủ trì xây dựng đề án: UBND thị xã Bỉm Sơn.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN:

1. Phạm vi:

Phạm vi nghiên cứu của Đề án nằm trong khu vực tại 6 phường nội thị và 2 xã ngoại thị thuộc địa giới hành chính đô thị thị xã Bỉm Sơn, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Phía Nam và Tây giáp huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- Phía Bắc giáp thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;

2. Quy mô:

Lập Đề án bảo vệ môi trường đô thị tại 6 phường nội thị và 2 xã ngoại thị thuộc thị xã Bỉm Sơn.

3. Đối tượng nghiên cứu:

Thành phần môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn, bụi và chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tại:

- Các khu phố có dân cư trong khu vực nghiên cứu.
- Các Khu đô thị, Khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã.

4. Mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của Đề án

4.1. Mục đích

Cung cấp cách nhìn tổng quan về hiện trạng môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn, đánh giá nguồn tác động và mức độ ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn lên môi trường. Đồng thời, nhận định, đánh giá về công tác quản lý môi trường, những việc đã làm được, những tồn tại, thách thức đã và đang đặt ra để từ đó đưa ra những khuyến nghị, giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong thời gian tới.

4.2. Yêu cầu và nhiệm vụ.

Trên cơ sở mục tiêu đề ra của Đề án, để đạt được những mục tiêu đó chúng tôi đề ra những yêu cầu và nhiệm vụ cần phải thực hiện như sau:

- Điều tra, đánh giá thực trạng về chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn đô thị thị xã Bỉm Sơn;
- Thiết lập mối tương quan và so sánh giữa các thành phần môi trường với nhau, giữa các địa phương trong đô thị với nhau;
- Từ sự thiết lập mối quan hệ trên có cơ sở đánh giá, cảnh báo và dự báo những diễn biến môi trường trên khu đô thị Bỉm Sơn;

- Phân tích các chính sách bảo vệ môi trường của thị xã, đánh giá mức độ phù hợp với thực tế môi trường của địa phương;

Ngoài ra còn nhấn mạnh đến một số “điểm nóng” về môi trường của đô thị.

IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN:

Dự toán kinh phí: 471.425.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm hai lăm nghìn đồng)

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

V. NGUỒN VỐN: Vốn ngân sách nhà nước.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN

Thời gian thực hiện lập Đề án: 04 tháng sau khi đề cương được phê duyệt.

UBND thị xã Bỉm Sơn kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập Đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn với các nội dung nêu trên, để UBND thị xã Bỉm Sơn có cơ sở tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở KH-ĐT Thanh Hóa;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thị ủy, HĐND TX Bỉm Sơn;
- Lưu: VT, TNMT.



Bùi Huy Hùng

THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU ĐÔ THỊ BỈM SƠN
(kèm theo Tờ trình số 818/TTr – UBND ngày 16 tháng 5 năm 2017
của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, UBND thị xã Bỉm Sơn lập đề cương đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bỉm Sơn gồm những nội dung sau:

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết lập đề án

Bỉm Sơn là vùng đất địa đầu tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung Việt Nam. Trong định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh hóa đến năm 2020 đã khẳng định Bỉm Sơn là đô thị hạt nhân của vùng, là một trong bốn cụm công nghiệp động lực phát triển của tỉnh Thanh hóa. Trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn có nhiều doanh nghiệp Trung ương và địa phương đang hoạt động, có những doanh nghiệp với quy mô và năng lực sản xuất gây tầm ảnh hưởng lớn không chỉ trong tỉnh như Xi măng Vicem Bỉm Sơn, Nhà máy xi măng Long Sơn, nhà máy sản xuất ô tô Veam.....

Trong những năm qua, mặc dù nền kinh tế của khu đô thị Bỉm Sơn đã chịu những ảnh hưởng không nhỏ của suy thoái kinh tế trong nước, tuy nhiên các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục và gây nhiều sức ép lên môi trường. Bên cạnh một số ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng bị ngưng trệ, thậm chí ngừng hoạt động, một số ngành công nghiệp vẫn tiếp tục là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, trong những năm trở lại đây, hoạt động xây dựng đường giao thông, đô thị, sản xuất công nghiệp tăng đã đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn này, công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm đã có nhiều nỗ lực, một số nơi chất lượng môi trường đã được cải thiện. Tuy nhiên chất lượng môi trường nhiều nơi vẫn đang tiếp tục bị suy giảm. Ô nhiễm bụi vẫn tiếp tục duy trì ở ngưỡng cao tại đô thị. Ô nhiễm nước đã xuất hiện ở nhiều nơi. Các sự cố môi trường, đặc biệt là các sự cố do xả thải chất thải công nghiệp đang có xu hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ ảnh hưởng. Nguy cơ ô nhiễm, suy thoái đất cùng với vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất không hợp lý đã gây tác động tiêu cực đến môi trường đất. Bên

cạnh đó, diễn biến BĐKH và các vấn đề môi trường xuyên biên giới ngày càng phức tạp và khó lường.

Đề án bảo vệ môi trường tổng thể khu đô thị Bim Sơn được thực hiện nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường của khu đô thị thời điểm hiện tại, những tác động của quá trình phát triển đến các hệ sinh thái, xác định những nguyên nhân gây ô nhiễm từ các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn Thị xã cũng như những nguyên nhân gây ô nhiễm từ bên ngoài. Dự báo xu thế biến đổi các thành phần môi trường trong những năm tới từ đó đề xuất những giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của ô nhiễm môi trường trên phạm vi toàn thị xã, góp phần phát triển kinh tế, xã hội theo hướng bền vững.

Tên Đề án: Đề án bảo vệ môi trường đô thị thị xã Bim Sơn.

2. Các căn cứ lập đề án

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 08/2010/TT-BTNMT ngày 18/3/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định xây dựng báo cáo môi trường quốc gia, báo cáo tình trạng tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và báo cáo HTMT cấp tỉnh.
- Quyết định số 2149/QĐ -TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030
- Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020;
- Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo điều chỉnh quy hoạch sắp xếp lại dân cư và cải tạo môi trường sông khu dân cư thuộc quy hoạch khu công nghiệp Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh hóa.
- Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/2/2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/2/2004 của Chính

phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Ngày 06/1/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm.

- Thông tư số 240/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Thông tư số 55/2015/TTLT – BTC – BKHCN, ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính – Bộ khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Quyết định 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của UBND áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, Đề án sẽ sử dụng các tiêu chuẩn - Quy chuẩn dưới đây:

* Môi trường nước:

QCVN 08-MT : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

QCVN 09-MT : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

QCVN 14 : 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt;

QCVN 39 : 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước tưới tiêu.

* Môi trường không khí:

QCVN 05 : 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí xung quanh;

QCVN 06 : 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

* Môi trường đất

QCVN 03 : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của các kim loại nặng trong đất

* Quản lý chất thải rắn:

TCVN 6696 : 2009 - Tiêu chuẩn Quốc gia về chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường

QCVN 07 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

* Độ rung và tiếng ồn:

QCVN 26 : 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27 : 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Sức khỏe và an toàn lao động:

Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, hóa chất - ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề án

3.1. Vị trí, giới hạn khu vực nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của Đề án khu đô thị Bỉm Sơn gồm 6 phường: phường Ba Đình, phường Bắc Sơn, phường Ngọc Trạo, phường Lam Sơn, phường Phú Sơn, phường Đông Sơn và 2 xã Hà Lan và Quang Trung được giới hạn.

- Phía Đông giáp: Huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình và xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, Thanh Hóa;

- Phía Tây giáp: Huyện Hà Trung, Thanh Hóa (các xã Hà Bắc, Hà Long);

- Phía Nam giáp: Huyện Hà Trung, Thanh Hóa (các xã Hà Thanh, Hà Vân, Hà Dương);

- Phía Bắc giáp: Huyện Hà Trung, Thanh Hóa (các xã Hà Bắc, Hà Long).

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Thành phần môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn, bụi và chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, ... tại:

- Các khu phố có dân cư trong khu vực nghiên cứu.

- Các Khu đô thị, Khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã.

4. Mục tiêu của đề án

Đề án bảo vệ môi trường tại 6 phường nội thị và 2 xã ngoại thị thuộc thị xã Bỉm Sơn năm 2017 được xây dựng với mục tiêu cung cấp cách nhìn tổng quan về hiện trạng môi trường khu đô thị Bỉm Sơn, đánh giá nguồn tác động và mức độ ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn lên môi trường. Đồng thời, nhận định, đánh giá về công tác quản lý môi trường, những việc đã làm được, những thách thức tồn tại đã và đang đặt ra

để từ đó đưa ra những khuyến nghị, giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong thời gian tới.

5. Yêu cầu và nhiệm vụ nghiên cứu đề án

Nội dung Đề án cần giải quyết được các yêu cầu, nhiệm vụ như sau:

Trên cơ sở mục tiêu đề ra của Đề án, để đạt được những mục tiêu đó chúng tôi đề ra những nhiệm vụ cần phải thực hiện và giải quyết như sau:

- Điều tra, đánh giá thực trạng về chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn khu đô thị Bim Sơn;
- Thiết lập mối tương quan và so sánh giữa các thành phần môi trường với nhau, giữa các địa phương trong khu đô thị với nhau...;
- Từ sự thiết lập mối quan hệ trên, đánh giá, cảnh báo và dự báo diễn biến môi trường trên khu đô thị Bim Sơn;
- Phân tích các chính sách bảo vệ môi trường của thị xã, đánh giá mức độ phù hợp với thực tế môi trường của địa phương;
- Ngoài ra còn nhấn mạnh đến một số “điểm nóng” về môi trường của khu đô thị.

6. Phương pháp thực hiện

Các phương pháp sử dụng trong quá trình thực hiện dự án bao gồm:

** Phương pháp phân tích, tổng hợp và dự báo thông tin:*

- Trên cơ sở dữ liệu đã tổng hợp, quan trắc bổ sung, hiệu chỉnh số liệu nhằm chính xác hoá các thông tin về môi trường để có kết luận về hiện trạng và dự báo các tác động có thể có của dự án đến môi trường tự nhiên, xã hội trong khu vực.

** Phương pháp so sánh:*

- Phương pháp này được sử dụng để đánh giá mức độ tác động. Tổng hợp các số liệu thu thập được, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và một số tiêu chuẩn khác của Bộ Y Tế, rút ra những kết luận về ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đến môi trường, đồng thời đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

** Phương pháp mô hình toán học:*

- Phương pháp mô hình toán học được áp dụng để mô phỏng các quá trình phát tán ô nhiễm từ nguồn ô nhiễm ra môi trường xung quanh. Phương pháp này đã được áp dụng vào tính toán tải lượng các chất ô nhiễm, dự báo mức độ ô nhiễm không khí theo các kịch bản khác nhau.

- Tính toán sự phát tán khí thải, sử dụng các mô hình tính toán viết trên hệ phương trình khuếch tán Gaussian và mô hình sutton cải tiến đã được kiểm nghiệm qua thời gian dài.

** Phương pháp ma trận:*

- Phương pháp này được sử dụng để đánh giá tác động môi trường của dự án đến các thành phần môi trường vật lý và kinh tế & xã hội.

** Phương pháp đánh giá nhanh:*

- Dựa trên cơ sở hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới ban hành năm 1993, thành phần, lưu lượng, tải lượng ô nhiễm do khí thải, nước thải, chất thải rắn từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công và hoạt động dân sinh được xác định và dự báo định lượng. Hiện nay phương pháp này đã được chấp nhận và sử dụng tại nhiều quốc gia.

** Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa:*

- Tổng hợp dữ liệu khí tượng, địa chất, thủy văn, động thực vật... trong khu vực khai thác mỏ và khu vực cần đánh giá.

- Công tác điều tra khảo sát thực địa được áp dụng trong quá trình thành lập Đề án hiện trạng môi trường thông qua đợt khảo sát thực địa năm 2017, bao gồm các nội dung như sau:

+ Khảo sát, xác định vị trí các nguồn gây ô nhiễm môi trường và các đối tượng chịu tác động.

+ Điều tra và đo đạc một số chỉ tiêu quan trọng và đặc trưng, phản ánh chất lượng môi trường khu vực dự án.

+ Tiến hành lấy mẫu nước ở toàn bộ các lưu vực trong khu vực và mẫu khí ở các vị trí có tính chất quan trọng trong việc phát sinh ô nhiễm môi trường trong khu vực.

** Phương pháp đo đạc và phân tích môi trường:*

- Thu thập các tài liệu quan trắc môi trường đã thực hiện tại khu vực.

- Quan trắc đo đạc bổ sung một số chỉ tiêu đặc trưng đối với chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm và môi trường không khí...

** Phương pháp điều tra xã hội học:*

- Điều tra xã hội học để phân tích những tác động tích cực và tiêu cực đến cộng đồng dân cư khu vực xung quanh.

- Phương pháp này được tiến hành đồng thời cùng với đợt khảo sát chất lượng môi trường khu vực xây dựng dự án. Chương trình khảo sát đánh giá tác

động xã hội của dự án theo những hình thức sau: Tham khảo các số liệu hiện có, phương pháp phỏng vấn, phương pháp nhanh có sự tham gia của cộng đồng.

* *Phương pháp tham khảo ý kiến của các chuyên gia:* Phương pháp này được thực hiện bằng cách theo sát các chỉ dẫn của cán bộ hướng dẫn nghiên cứu, tham khảo ý kiến của các chuyên gia, cán bộ đầu ngành, các nhà quản lý...

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN HIỆN TRẠNG

1. Hiện trạng dân cư trong khu đô thị.

- Điều tra hiện trạng dân số, cơ cấu ngành nghề tại các phường xã của thị xã Bim Sơn bao gồm:

- + Phường Lam Sơn;
- + Phường Ba Đình;
- + Phường Ngọc Trạo;
- + Phường Phú Sơn;
- + Phường Bắc Sơn;
- + Phường Đông Sơn;
- + Xã Hà Lan;
- + Xã Quang Trung.

- Đánh giá hiện trạng môi trường tại các khu dân cư tập trung trong khu đô thị.

2. Hiện trạng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu đô thị.

Trong quá trình lập đề án, phải điều tra, thu thập số liệu thống kê về:

- Hiện trạng các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu đô thị Bim Sơn;

- Chi tiết về loại hình sản xuất kinh doanh, nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động này;

- Hiện trạng các công trình xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn;

- Hiện trạng môi trường xung quanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu đô thị và vùng giáp nhà máy xi măng Tam Điệp.

3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng đường giao thông, hiện trạng cấp thoát nước và xử lý nước thải trong khu đô thị.

- Điều tra về hiện trạng các công trình giao thông: Các tuyến đường giao thông chính, nhánh, chất lượng các tuyến đường;

- Điều tra về hệ thống cấp nước trong đô thị;

- Điều tra về hiện trạng thoát nước mặt, nước mưa chảy tràn trong khu vực đô thị;

- Điều tra về hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (sau khi đã được xử lý cục bộ tại các cơ sở) của khu đô thị.
- Hiện trạng môi trường tại các tuyến đường giao thông công cộng;

4. Kết luận về hiện trạng môi trường tại đô thị Bim Sơn.

Phân tích, tổng hợp về môi trường hiện trạng từ đó có kết luận về mức độ ô nhiễm môi trường tại khu đô thị Bim Sơn từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại khu đô thị.

PHẦN THỨ HAI

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHU ĐÔ THỊ

2.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, chú trọng đến cấp huyện, xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Rà soát, làm rõ nội dung, xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, vướng mắc, phân tán trong phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước, tập trung đầu mối quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý, ngoại ngữ bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường ưu tiên

- Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ, chức năng của các cơ quan ban ngành liên quan cũng như các phòng, ban trực thuộc ở các huyện nhằm tạo sự liên kết của các đơn vị trong quá trình thực hiện các quyết định, văn bản liên quan đến lĩnh vực môi trường được tỉnh ban hành.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đảm bảo được khả năng lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường vào các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và của địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi nhằm khuyến khích các nguồn đầu tư nước ngoài cho công tác bảo vệ môi trường của tỉnh, nhân rộng mô hình phát triển bền vững trong các ngành công, nông nghiệp.

- Xây dựng quy chế xả thải đối với từng khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, khu dân cư dựa trên đánh giá về khả năng tự làm sạch và tiêu chuẩn cụ thể tại mỗi đoạn sông trên lưu vực sông.

- Tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi nhằm khuyến khích các nguồn đầu tư nước ngoài cho công tác bảo vệ môi trường của tỉnh, nhân rộng mô hình phát triển bền vững trong các ngành công, nông nghiệp.

- Thúc đẩy nhanh, mạnh việc áp dụng các cơ chế, công cụ kinh tế phù hợp với thể chế kinh tế thị trường nhằm điều tiết các hoạt động phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, đặc biệt là các công cụ thuế, phí, ký quỹ, chi trả dịch vụ môi trường... Thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp, bồi thường thiệt hại về môi trường. Hoàn thiện các cơ chế tài chính, tín dụng cho bảo vệ môi trường; tăng cường thực thi các chính sách ưu đãi, trợ giá, hỗ trợ về đất đai, tài chính, tín dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Từng bước đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh và ở các ngành, các cấp; cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

2.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

- Tăng dần tỷ lệ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước của địa phương cho bảo vệ môi trường, phấn đấu đạt 1% tổng chi ngân sách; đồng thời thúc đẩy việc sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong lĩnh vực dịch vụ công (bãi rác, y tế) cần tập trung kinh phí từ nguồn ngân sách của UBND tỉnh và của UBND thị xã Bỉm Sơn để xử lý dứt điểm. Ngoài ra, huy động nguồn vốn từ các doanh nghiệp, nguồn vốn nước ngoài cho việc cải thiện và phục hồi môi trường những nơi bị ô nhiễm.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần thúc đẩy các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng các công trình xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Có kế hoạch xây dựng các dự án lớn như xử lý thoát nước, xử lý nước thải tập trung ở một số đô thị lớn; xây dựng các công trình xử lý CTR sinh hoạt ở các đô thị để kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp, của chính phủ và các tổ chức quốc tế.

- Nghiên cứu, hình thành các nguồn thu mới; từng bước tăng dần mức thu tương ứng với mức độ hưởng lợi từ môi trường hoặc mức độ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước, tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường. Phát triển và sử dụng tốt Quỹ BVMT của địa phương.

2.4. Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường

- Bổ sung nhân lực, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ, các kỹ năng quan trắc và lấy mẫu, nâng cao chất lượng quản lý cho cán bộ chuyên trách.

- Tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường. Đầu tư trang thiết bị giám sát, quan trắc môi trường tự động tại các điểm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, như các khu công nghiệp.

- Nâng cao năng lực trong công tác kiểm tra, giám sát về BVMT cho cán bộ môi trường cấp phường, xã.

- Công tác kiểm tra giám sát hoạt động BVMT ở các KCN, CCN phải được duy trì thường xuyên, có chất lượng. Đặc biệt đầu tư hệ thống quan trắc các chỉ tiêu về môi trường; đầu tư các trang thiết bị phân tích nhanh các chỉ số môi trường nước, không khí. Các nhà máy, xí nghiệp trong KCN, CCN bố trí cán bộ chuyên trách về công tác môi trường. Định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về BVMT của địa phương.

2.5. Vấn đề nguồn lực con người, giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường cần bổ sung thêm việc tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người dân và ưu tiên sự dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường

.- Tăng cường công tác tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật

- Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về môi trường

- Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường cho các cấp quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội khác.

- Hình thức tuyên dương, khen thưởng

- Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân tham gia các ngày về môi trường như Tuần lễ Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường; Ngày Đa dạng sinh học; Ngày môi trường thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

2.6. Các giải pháp về quy hoạch phát triển

Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cần gắn liền với quy hoạch bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng đánh giá môi trường chiến lược, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường được lồng ghép trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội.

a. Quy hoạch công nghiệp:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại;

- Tăng cường công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường, kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cương quyết xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm;

- Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD hạn chế ô nhiễm môi trường. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy trình công nghệ thăm dò, khai thác và phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản sau khi kết thúc khai thác.

b. Quy hoạch đô thị:

- Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn; Bố trí diện tích đất hợp lý cho các nhu cầu về cảnh quan môi trường và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ cho công tác bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ việc quy hoạch xây dựng các công trình xử lý CTR sinh hoạt theo vùng cấp tỉnh và liên huyện đã được phê duyệt. Tổ chức rà soát, xây dựng lộ trình đóng cửa các bãi rác hiện có trong các đô thị không đảm bảo vệ sinh môi trường, lập dự án thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Tập trung thực hiện quy hoạch các khu xử lý nước thải tập trung tại khu đô thị Bim Sơn; khu công nghiệp Bắc Sơn.

c. Quy hoạch ngành nông nghiệp:

- Lồng ghép quy hoạch BVMT trong Quy hoạch tổng thể phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Kiểm soát nghiêm ngặt nguồn ô nhiễm trong sản xuất các sản phẩm trong nông nghiệp nông thôn. Khuyến khích các cơ sở sản xuất chế biến đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, hiện đại hóa các công nghệ truyền thống.

- Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Khuyến khích các cơ sở phát triển sản xuất sạch và thân thiện môi trường, khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu tái sinh.

- Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, trong đó có khu bảo tồn thiên nhiên. Xây dựng cơ chế khuyến khích ưu đãi người trồng rừng nhằm tăng mật độ che phủ, hạn chế xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất. Tập trung khai thác hiệu quả dịch vụ môi trường rừng. Trồng các băng cây xanh cách lý khu công nghiệp.

- Giải pháp về bố trí Tái định cư các khu dân cư không đảm bảo môi trường.

2.7. Các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường.

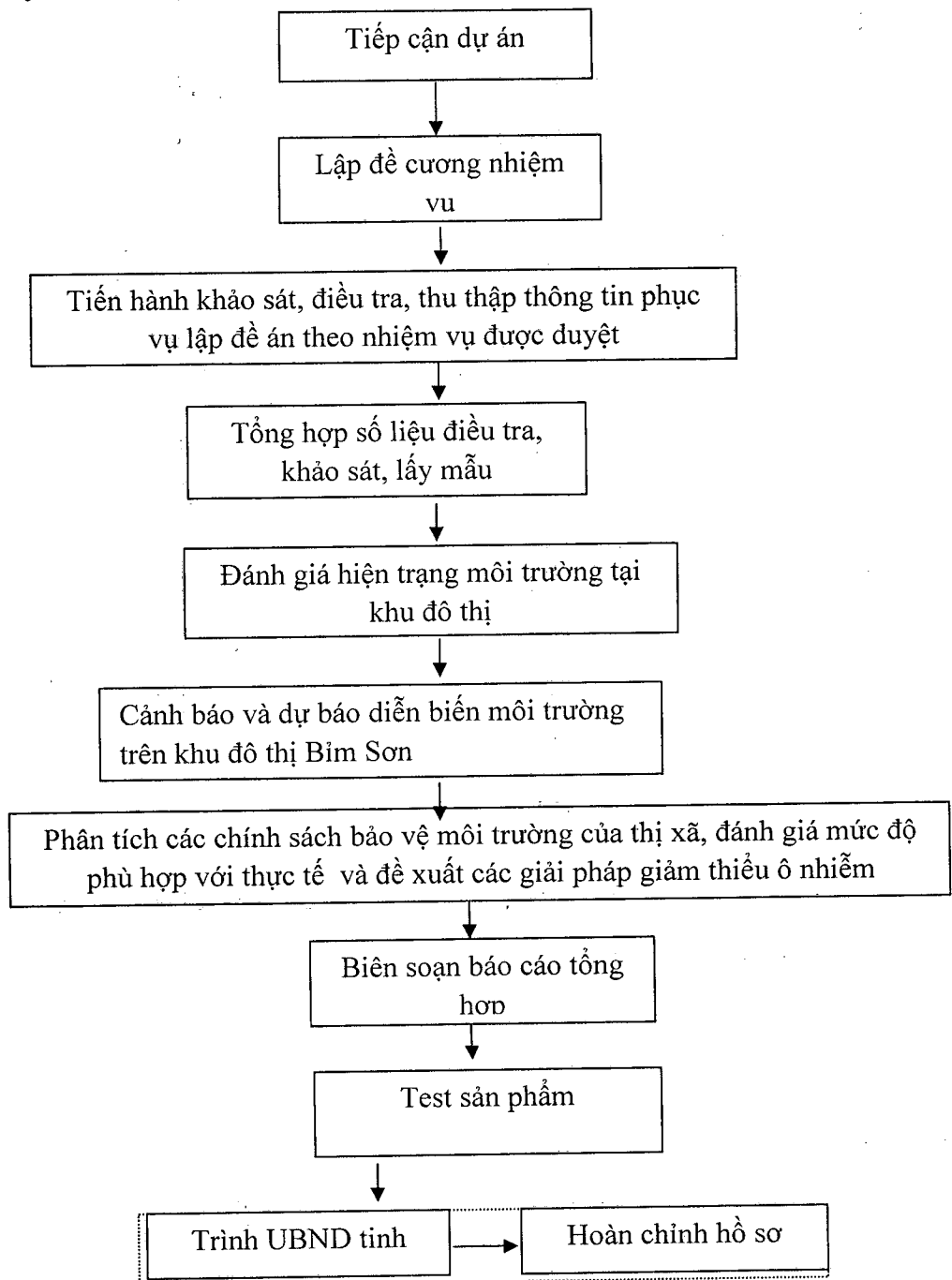
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ môi trường tại địa phương.

PHẦN THỨ BA

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

3.1. Quy trình thực hiện Đề án



3.2. Xây dựng đề cương

3.2.1 Xây dựng đề cương

- Nội dung:** Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi và chi tiết hóa nội dung khi tiến hành các hoạt động lập Đề án hiện trạng môi trường.
- Kết quả cần đạt:** Báo cáo thuyết minh đề cương;
- Thời gian thực hiện:** Tháng 4/2017

d. Nguồn lực thực hiện:

- **Tài chính:** Áp dụng theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3.2.2 Điều tra, thu thập số liệu, phân tích và đánh giá theo chuyên đề

a. Nội dung: Tiến hành khảo sát, điều tra thực địa, thu thập số liệu, phân tích mẫu môi trường trong các labo xét nghiệm; Nghiên cứu, phân tích, đánh giá và lập Đề án theo các chuyên đề khác nhau.

b. Kết quả cần đạt: Hệ thống các Đề án chuyên đề bao gồm:

- **Chuyên đề 1:** Tổng quan về điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội của thị xã Bim Sơn:

+ Điều kiện địa lý tự nhiên bao gồm: Vị trí địa lý, địa hình, địa mạo, thảm thực vật, sông ngòi.

+ Đặc trưng khí hậu khu đô thị Bim Sơn

+ Đặc trưng khí hậu vùng nghiên cứu.

+ Điều tra về dân số tại 6 phường và 2 xã của thị xã Bim Sơn;

+ Điều tra về các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã Bim Sơn.

- **Chuyên đề 2:** Sức ép của phát triển kinh tế - xã hội đối với môi trường.

Nêu lên những tác động gây áp lực lên môi trường đối với từng lĩnh vực như: Tăng trưởng kinh tế, Sức ép dân số và vấn đề đô thị hoá, Phát triển công nghiệp, thương mại, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ du lịch, giao thông....

- **Chuyên đề 3:** Thực trạng môi trường không khí tại 06 phường và 02 xã thuộc khu đô thị Bim Sơn

+ ***Môi trường không khí:***

Các yếu tố nghiên cứu là: Vi khí hậu; Độ ồn tương đương; SO₂; CO; Bụi lơ lửng; NH₃; VOC.

Tần suất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24 mẫu/đợt x 2 lần/đợt = 48 mẫu

- **Chuyên đề 4:** Thực trạng môi trường nước tại 06 phường và 02 xã thuộc đô thị thị xã Bim Sơn:

+ ***Môi trường nước ngầm:***

Các yếu tố nghiên cứu là: pH; độ cứng; COD; Amoni; Nitrit; Fe; Asen; Fecal, Coliform.

Tần suất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24 mẫu/đợt x 02 lần/đợt = 48 mẫu

+ Môi trường nước mặt:

Các yếu tố nghiên cứu là: pH; DO; TSS; COD; Amoni; Nitrat; Coliform.

Tần xuất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24mẫu/đợt x 2 lần/đợt = 48 mẫu.

+ Môi trường nước thải sinh hoạt :

Các yếu tố nghiên cứu là: pH; TSS; BOD₅; Amoni; Nitrat; PO₄³⁻; S²⁻, dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

Tần xuất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24 mẫu/đợt x 2 lần/đợt = 48 mẫu

+ Môi trường nước thải công nghiệp :

Các yếu tố nghiên cứu là: pH; TSS; BOD₅; COD, Tổng N, tổng P, S²⁻; Coliform.

Tần xuất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24 mẫu/đợt x 2 lần/đợt = 48 mẫu.

- **Chuyên đề 5:** Thực trạng môi trường đất tại 06 phường và 02 xã thuộc đô thị thị xã Bỉm Sơn:

+ Môi trường đất:

Các yếu tố nghiên cứu là: pH_{kl}, asen, Cadimi, Đồng, Chi

Tần xuất và số vị trí (mẫu) cần nghiên cứu:

24 mẫu/đợt x 2 lần/đợt = 48 mẫu

- **Chuyên đề 6:** Hiện trạng thu gom quản lý, xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại) tại 06 phường và 02 xã thuộc đô thị thị xã Bỉm Sơn.

- **Chuyên đề 7:** Báo cáo đa dạng sinh học khu vực bị ảnh hưởng và vùng phụ cận. Các thông tin cần điều tra bao gồm hệ sinh thái nông nghiệp; hệ sinh thái núi đá vôi; hệ sinh thái vùng sông...

- **Chuyên đề 8:** Báo cáo đánh giá sự cố môi trường, tai biến thiên nhiên; xác suất có thể xảy ra các sự cố môi trường, rủi ro sinh thái khu vực lập Đề án.

- **Chuyên đề 9:** Tác động của môi trường đến sức khỏe, sự phát triển KTXH, các hệ sinh thái.

- **Chuyên đề 10:** Thực trạng về công tác quản lý môi trường tại đô thị thị xã Bỉm Sơn.

- **Chuyên đề 11:** Các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường tại đô thị thị xã Bỉm Sơn.

b. Thời gian thực hiện: Tháng 4 - 7/2017

c. Nguồn lực thực hiện:

- **Nhân công:** Được xác định dựa trên yêu cầu công việc; tình hình thực tế và mức độ khó khăn khi thực hiện công việc.

3.2.3. Tổ chức hội thảo giữa cơ quan tư vấn và chủ đầu tư

- Tổ chức hội thảo thống nhất các nội dung đã thực hiện và các kiến nghị đưa ra để đạt được sau Đề án.

- Tổ chức cuộc hội thảo gồm các công việc:

+ Thuê hội trường và các phương tiện phục vụ hội thảo;

+ Báo cáo tham luận tại hội thảo.

3.2.4. Xây dựng hệ thống báo cáo tổng kết

a. Nội dung: Lập hệ thống các báo cáo đề dẫn, in ấn Đề án phục vụ công tác hội thảo và tổ chức thẩm định Đề án bảo vệ môi trường trình UBND tỉnh xem xét.

b. Kết quả cần đạt

Đề án tổng hợp: Phục vụ công tác thẩm định Đề án Bảo vệ môi trường.

c. Thời gian thực hiện: Tháng 7/2017

d. Nguồn lực thực hiện:

- **Nhân công:** Được xác định dựa trên yêu cầu công việc; tình hình thực tế và mức độ khó khăn khi thực hiện công việc.

3.2.5. Sản phẩm Đề án

- Đề án thuyết minh.

- Tài liệu điều tra, khảo sát.

- Kết quả phân tích hiện trạng môi trường.

3.2.6. Thời gian và tiến độ thực hiện Đề án.

- Thời gian thực hiện dự án: 4 tháng (từ tháng 4/2017 - đến tháng 7/2017) và được chia thành các giai đoạn cụ thể sau:

Công việc/thời gian	4/2017	5/2017	6/2017	7/2017
Phê duyệt đề cương và dự toán	—			
Thu thập số liệu		—	—	
Khảo sát thực tế		—	—	
Tổng hợp và lập báo cáo Đề án			—	
Trình, bảo vệ thông qua Đề án				—

3.2.7. Kinh phí thực hiện Đề án:

Tổng kinh phí thực hiện: Tổng dự toán lập báo cáo thuyết minh Đề án hiện trạng môi trường đô thị thị xã Bim sơn là: **499.809.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm linh chín nghìn đồng)

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

3.1.8. Lợi ích của việc lập báo cáo thuyết minh Đề án

Đề án bảo vệ môi trường khu đô thị Bim Sơn để đánh giá tổng quan môi trường của khu đô thị. Việc đánh giá, phân tích nguyên nhân, hiện trạng, tác động và xu hướng các vấn đề có liên quan đến môi trường sẽ hỗ trợ cho việc xem xét, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, kế hoạch và giải pháp để quản lý và bảo vệ môi trường.

- Đối với nhận thức của người dân: Đề án hiện trạng môi trường khu đô thị Bim Sơn được xây dựng sẽ góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ sức khỏe cộng đồng nói riêng.

- Đối với sức khỏe cộng đồng: Thực hiện các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường tại khu đô thị Bim Sơn hiệu quả sẽ hạn chế những nguy cơ truyền bệnh và phát sinh các dịch bệnh từ ô nhiễm môi trường

- Đối với công tác Bảo vệ môi trường: Đề án hiện trạng môi trường khu đô thị Bim Sơn là công cụ có hiệu lực để khắc phục các hậu quả, tác động tiêu cực của môi trường khu đô thị Bim Sơn, giúp cho các cơ quan chức năng trong việc giám sát và quản lý hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn, đồng thời cung cấp những thông tin thích hợp để hoạch định các chương trình quản lý môi trường.

- Đối với kinh tế: Thông qua những biện pháp và chính sách khác nhau, nhà quản lý sẽ can thiệp mạnh mẽ vào các hoạt động của cá nhân, tổ chức xã hội để bảo vệ môi trường, ngăn chặn việc gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường thông qua việc kiểm soát nguồn gây ô nhiễm.

PHÂN THỬ TU

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Các vấn đề giải quyết trong đề án:

+ Điều tra tình hình phát triển kinh tế xã hội tại thị xã Bỉm Sơn;

+ Đánh giá hiện trạng môi trường tại khu đô thị Bỉm Sơn;

Môi trường nước

Môi trường không khí

Chất thải rắn đô thị và công nghiệp

+ Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong khu đô thị;

- Hiệu quả đạt được khi thực hiện đề án:

+ Ổn định đời sống, cải thiện môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

+ Đưa thị xã Bỉm Sơn thành một khu đô thị phát triển bền vững, môi trường trong sạch, lành mạnh, văn minh.

2. Kiến nghị

- Đề nghị các cấp, các ngành có chức năng xem xét phê duyệt nội dung Đề án để UBND thị xã Bỉm Sơn có cơ sở tiến hành thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa hỗ trợ thị xã về kinh phí thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại đô thị thị xã Bỉm Sơn.

- Đề nghị các cấp, các ngành có chức năng phối hợp để thực hiện đề án.

DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

(kèm theo Tờ trình số 818 /TTr - UBND ngày 16 tháng 5 năm 2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VNĐ)	THÀNH TIỀN
I	XÂY DỰNG VÀ XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG					10,200,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Xây dựng đề cương	Đề cương	1	1,200,000	1,200,000
		Thẩm định đề cương, dự toán				
	TT55/2015/TTLT-BTC -BKHCN	Tổ trưởng thẩm định	Người	1	700,000	700,000
	TT55/2015/TTLT-BTC -BKHCN	Thành viên tham gia thẩm định	Người	4	500,000	2,000,000
		Xét duyệt đề cương				
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chủ tịch hội đồng	Người	1	500,000	500,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thành viên hội đồng, thư ký	Người	8	300,000	2,400,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Đại biểu được mời tham dự	Người	10	150,000	1,500,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	2	500,000	1,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Bài nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Bài viết	3	300,000	900,000
II	THUÊ XE, ĐIỀU TRA, THU THẬP SỐ LIỆU VÀ NHÂN CÔNG.					71,300,000
2.1.	Điều tra, thu thập số liệu					29,700,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Đặc điểm khí hậu thủy văn khu vực nghiên cứu	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Địa hình địa chất nơi triển khai nghiên cứu	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Hệ sinh thái nước, hệ sinh thái cạn khu vực nghiên cứu	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Điều tra các hộ dân cư khu vực nghiên cứu	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Đặc điểm về giao thông khu vực nghiên cứu	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	Công	24	178,750	4,290,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Hiện trạng thu gom quản lý khu vực nghiên cứu	Công	24	165,000	3,960,000
2.2.	Khai thác, thu thập tài liệu KT - XH, môi trường khu vực nghiên cứu					10,400,000

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VND)	THÀNH TIỀN
	TT số 02/2017/TT-BTC	Lập mẫu phiếu điều tra kinh tế, xã hội, môi trường (01 phiếu/xã, phường)	Phiếu	8	500,000	4,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thu thập thông tin từ các doanh nghiệp, tổ chức (03 phiếu/xã, phường)	Phiếu	24	100,000	2,400,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thu thập thông tin từ các cá nhân sống 10 hộ (10 phiếu/xã, phường)	Phiếu	80	50,000	4,000,000
						31,200,000
2.3.	Phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu					
	TT số 23/2007/BTC	Xe chuyên chở máy móc thiết bị và cán bộ đi khảo sát, đo đạc, xác định vị trí lấy mẫu	ca xe	12	1,000,000	12,000,000
	TT số 97/2010/BTC	Nhân công lấy mẫu tại hiện trường (05 người * 3 ngày * 8 xã, phường)	công	96	200,000	19,200,000
						176,160,000
III	CHI PHÍ PHÂN TÍCH TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM					
						36,512,000
3.1	Hiện trạng môi trường không khí					
	TT số 240/2016/TT-BTC	Vi khí hậu	điểm	32	56,000	1,792,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Bụi	điểm	32	140,000	4,480,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Tiếng ồn	điểm	32	35,000	1,120,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	VOC	điểm	32	350,000	11,200,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	NH ₃	điểm	32	140,000	4,480,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	NO ₂	điểm	32	140,000	4,480,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	CO	điểm	32	140,000	4,480,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	SO ₂	điểm	32	140,000	4,480,000
						122,176,000
2.2	Hiện trạng môi trường nước					
						43,360,000
	Chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt					
	TT số 240/2016/TT-BTC	Nồng độ pH	mẫu	32	56,000	1,792,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	TSS	mẫu	32	80,000	2,560,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng BOD ₅	mẫu	32	200,000	6,400,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng Amoni	mẫu	32	98,000	3,136,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng nitorat	mẫu	32	140,000	4,480,000

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VNĐ)	THÀNH TIỀN
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng photphat	mẫu	32	84,000	2.688.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Sun fua	mẫu	32	85.000	2.720.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Dầu mỡ động, thực vật	mẫu	32	500,000	16.000.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Coliform tổng	mẫu	32	112,000	3.584.000
a.	Chất lượng môi trường nước thải công nghiệp					30,176,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Nồng độ pH	mẫu	32	56,000	1.792.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	TSS	mẫu	32	80,000	2.560.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng BOD ₅	mẫu	32	200,000	6.400.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng COD	mẫu	32	120,000	3.840.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Tổng P	mẫu	32	140,000	4.480.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Tổng N	mẫu	32	150,000	4.800.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Sun fua	mẫu	32	85,000	2.720.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Coliform tổng	mẫu	32	112,000	3.584.000
b.	Chất lượng môi trường nước mặt:					22,720,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Nồng độ pH	mẫu	32	56,000	1.792.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	TSS	mẫu	32	80,000	2.560.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	DO	mẫu	32	104,000	3.328.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng COD	mẫu	32	120,000	3.840.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng NO ₃ -	mẫu	32	140,000	4.480.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng NH ₄ ⁺	mẫu	32	98,000	3.136.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Coliform tổng	mẫu	32	112,000	3.584.000
c.	Chất lượng môi trường nước ngầm:					25,920,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Nồng độ pH	mẫu	32	56,000	1.792.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng As	mẫu	32	150,000	4.800.000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng NO ₂ -	mẫu	32	100,000	3.200.000

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VNĐ)	THÀNH TIỀN
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng NH ₄ ⁺	mẫu	32	98,000	3,136,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng Fe	mẫu	32	130,000	4,160,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Độ cứng (CaCO ₃)	mẫu	32	80,000	2,560,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Chỉ số pemanganat	mẫu	32	84,000	2,688,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Coliform tổng	mẫu	32	112,000	3,584,000
d.	Chất lượng môi trường nước đất					17,472,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Nồng độ pH	mẫu	32	56,000	1,792,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng As	mẫu	32	100,000	3,200,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng Cadimi	mẫu	32	130,000	4,160,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng đồng	mẫu	32	130,000	4,160,000
	TT số 240/2016/TT-BTC	Hàm lượng chì	mẫu	32	130,000	4,160,000
IV	CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO (Chi phí lập báo cáo, phân tích đánh giá theo chuyên đề)					64,000,000
3.1	Chuyên đề về điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội khu vực dự án					12,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo thủy văn khu vực thực hiện dự án	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo điều kiện tự nhiên khu vực thực hiện dự án	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo kinh tế xã hội khu vực thực hiện dự án	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo địa chất công trình khu vực thực hiện dự án	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
3.2	Các chuyên đề về sức ép của phát triển kinh tế-xã hội đối với môi trường					12,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề về tác động gây áp lực lên môi trường do tăng trưởng kinh tế	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề về tác động gây áp lực lên môi trường do dân số và đô thị	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề về tác động gây áp lực lên môi trường do phát triển CN, dịch vụ du lịch	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề về tác động gây áp lực lên môi trường do xây dựng, nông nghiệp, giao thông	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VNĐ)	THÀNH TIỀN
3.3	Các chuyên đề về thực trạng môi trường					33,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về thực trạng môi trường không khí	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về thực trạng môi trường nước	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về thực trạng môi trường đất	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về thực trạng môi trường chất thải rắn	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về đa dạng sinh học	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chuyên đề báo cáo về hiện trạng thu gom quản lý, xử lý chất thải rắn tại 06 phường và 02 xã thuộc thị xã.	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Báo cáo đa dạng sinh học khu vực bị ảnh hưởng và vùng phụ cận. Các thông tin cần điều tra bao gồm hệ sinh thái nông nghiệp; hệ sinh thái núi đá vôi; hệ sinh thái vùng sông	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Báo cáo đánh giá sự cố môi trường, tai biến thiên nhiên; xác suất có thể xảy ra các sự cố môi trường, rủi ro sinh thái khu vực lập Đề án	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	CTác động của môi trường đến sức khỏe, sự phát triển KTXH, các hệ sinh thái.	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường tại khu đô thị Bim Sơn.	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thực trạng về công tác quản lý môi trường tại khu đô thị Bim Sơn	bộ b/c	1	3,000,000	3,000,000
3.4	Tham vấn ý kiến chuyên gia					2,000,000
	92/2014/TTLT-BTC-BTP	Lấy ý kiến chuyên gia	Bài viết	4	500,000	2,000,000
3.5	Hoàn thiện thành bộ báo cáo đề án hoàn chỉnh cho dự án gửi thẩm định					5,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Tổng hợp các chuyên đề thành báo cáo chính	b/c	1	5,000,000	5,000,000
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC					35,344,000
4.1.	Chi phí quản lý nghiệp vụ đề án					27,684,000
	Nghị định số 66/2013/NĐ-CP	Tổ trưởng quản lý: 1 người x HSTB (4.3 + 0,25) x 4 tháng x 40% x 1.210.000 đ/tháng	Người	1	2,202,000	8,808,000

TT	MÃ ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊNH MỨC (VNĐ)	THÀNH TIỀN
	Nghị định số 66/2013/NĐ-CP	Thành viên tham gia quản lý: 3 người x HSTB (3.0 + 0.25) x 4 tháng x 40% x 1.210.000 đ/tháng	Người	3	1,573,000	18,876,000
4.2	Chi phí thẩm định đề án:					2,700,000
	TT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	Tổ trưởng thẩm định	đề án	1	700,000	700,000
	TT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	Thành viên tổ thẩm định	đề án	4	500,000	2,000,000
4.3	Chi phí bảo vệ trước hội đồng thẩm định đề án					7,660,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chủ tịch hội đồng	Người	1	700,000	700,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Thành viên, thư ký hội đồng	Người	6	300,000	1,800,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Ủy viên phân biên	Người	2	500,000	1,000,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Đại biểu mời tham dự	người	16	150,000	2,400,000
	TT số 02/2017/TT-BTC	Chi phí VPP, in ấn Hồ sơ (100trang/bộ)	bộ b/c	16	110,000	1,760,000
	Cộng chi phí trực tiếp					357,004,000
	Chi phí quản lý chung (20% Chi phí trực tiếp)					71,400,800
	Cộng:					428,404,800
	Thuế VAT 10%:					42,840,480
	Tổng cộng sau thuế:					471,245,280
	Làm tròn sau thuế:					471,245,000
(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một triệu hai trăm bốn lăm nghìn đồng)						